

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: P.Chờ E303

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 22/04/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0113	Trần Ngọc	Hiệp	19/01/1999			
2	TA0114	Đào Văn	Hiếu	20/07/1999			
3	TA0115	Đỗ Trung	Hiếu	11/11/2000			
4	TA0116	Hoàng Đình	Hiếu	19/04/1999			
5	TA0117	Lã Đình	Hiếu	29/01/2011			
6	TA0118	Lại Minh	Hiếu	01/05/2000			
7	TA0119	Nguyễn Thành	Hiếu	26/12/2000			
8	TA0120	Nguyễn Văn	Hiếu	12/08/1999			
9	TA0121	Nguyễn Văn	Hiếu	11/03/1999			
10	TA0122	Trần Trung	Hiếu	14/07/2000			
11	TA0123	Nguyễn Thị	Hoài	11/05/2000			
12	TA0124	Nguyễn Văn	Hoàng	16/08/1999			
34	TA0125	Nguyễn Việt	Hoàng	05/06/1999			
13	TA0126	Nguyễn Việt	Hoàng	11/01/1999			
14	TA0127	Phạm Việt	Hoàng	01/10/1999			
15	TA0128	Trần Huy	Hoàng	09/09/1999			
16	TA0129	Nguyễn Thị	Huệ	13/05/1999			
17	TA0130	Trần Thị Thu	Huệ	17/04/1999			
18	TA0131	Nguyễn Văn	Hùng	12/11/1999			
19	TA0132	Trần Mạnh	Hùng	23/03/1999			
20	TA0133	Võ Phi	Hùng	05/06/1999			
21	TA0134	Bùi Quốc	Hưng	11/11/1999			
22	TA0135	Nguyễn Đỗ Thanh	Hương	06/02/2000			
23	TA0136	Trịnh Thị Thu	Hương	05/09/2000			

24	TA0137	Vũ Thị	Hương	29/06/1999			
25	TA0138	Bùi Thị	Hường	28/11/2000			
26	TA0139	Đậu Quang	Huy	03/12/1999			
27	TA0140	Đoàn Quang	Huy	06/06/1999			
28	TA0141	Nghiêm Hoàng	Huy	18/03/1999			
29	TA0142	Ngô Quang	Huy	26/08/1999			
30	TA0143	Nguyễn Việt	Huy	17/08/1999			
31	TA0144	Phạm Đăng	Huy	22/09/1999			
32	TA0145	Trần Quang	Huy	30/09/1999			
33	TA0146	Lê Thị	Huyền	18/09/1999			
35	TA0147	Ngô Thị	Huyền	21/08/1999			
36	TA0148	Phạm Thị	Huyền	03/12/2000			
37	TA0149	Quách Thị	Huyền	12/08/1999			
38	TA0150	Nguyễn Cao	Khải	23/10/1998			
39	TA0151	Nguyễn Văn	Khải	20/11/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)